

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 10 năm 2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Phẩm
2. Bà Bùi Thị Hảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Long Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Giang N**, sinh năm 1985.

HKTT: Khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1990.

HKTT: Khu T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Chị T hiện đang lao động tại Nhật Bản.

(Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Giang N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thanh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ ngày 27/3/2012 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc K. Từ khi sinh con, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn về lối sống, tư duy, không có sự hòa hợp nên liên tục cãi vã. Dù cùng sống chung một nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người sử dụng một phòng ngủ, ở một tầng khác nhau. Đến năm 2019 chị T đi lao động tại Nhật Bản, mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, không tìm được tiếng nói

chung. Vợ chồng sống xa nhau, chị T không quan tâm đến anh, không còn vun đắp tình cảm, hôn nhân không còn hạnh phúc. Anh có đề nghị ly hôn thì được chị T đồng ý nhưng chị T không gửi giấy tờ về mà bảo anh tự làm thủ tục ly hôn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên anh đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc K sinh ngày 28/3/2013. Hiện nay cháu đang ở cùng với anh. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Anh xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với thân nhân của chị Nguyễn Thanh T. Bà Hoàng Thị T là mẹ đẻ của chị T trình bày: Chị T là con đẻ của bà, chị T đi lao động tại Nhật Bản và hiện nay chị T vẫn đang ở Nhật Bản. Từ khi chị T sang Nhật Bản đến nay, chị T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình bà qua điện thoại, nhắn tin. Bà đã biết việc anh Nam xin ly hôn chị T do chị Tuyền gọi điện về thông báo cho bà, còn vì sao chị T biết việc anh N xin ly hôn thì bà không biết. Bà và gia đình không biết địa chỉ cụ thể của chị T ở Nhật Bản. Chị T nói với bà quan điểm của chị là không đồng ý ly hôn, muốn đợi khi chị T về Việt Nam sẽ cùng anh N giải quyết việc ly hôn. Nếu Tòa án xử cho ly hôn thì chị T mong muốn được trực tiếp nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức chị T không đề nghị tòa án giải quyết. Quan điểm của gia đình bà là việc ly hôn là việc cá nhân của anh N, chị T, gia đình không can thiệp. Quá trình anh N, chị T chung sống bà có biết anh chị có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân cụ thể thì bà không biết. Anh N nói với bà là vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung còn chị T nói anh Nam có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Hai bên gia đình đã khuyên giải cho vợ chồng bỏ qua mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Chị T muốn đợi khi chị về Việt Nam mới giải quyết ly hôn nên bà và gia đình không nhận thay chị T các văn bản tố tụng của tòa án.

Hiện tại, chị T đang lao động ở Nhật Bản, chị T có liên lạc về cho gia đình nhưng không cung cấp địa chỉ ở Nhật Bản cho gia đình biết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho chị T tại Nhà văn hóa khu Tân T và trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, trụ sở UBND xã M, huyện Đoan H, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án xử cho anh Nguyễn Giang N được ly hôn chị Nguyễn Thanh T. Về con chung, đề nghị giao con chung cho anh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên lao động tự túc được. Về cấp dưỡng nuôi

con chung: Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về công nợ chung, công sức đóng góp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Giang N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Giang N nộp đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thanh T tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, trong đơn khởi kiện anh N trình bày hiện nay chị T đang lao động tại Nhật Bản. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã có công văn số: 56/TA-DS ngày 23/4/2020 gửi Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh đối với chị Nguyễn Thanh T. Tại văn bản số: 5555/QLXNC-P5 ngày 29/4/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác nhận: Chị Nguyễn Thanh T đã xuất cảnh ngày 03/3/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Việc Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định.

Hiện tại, chị Nguyễn Thanh T đang ở Nhật Bản nhưng không có địa chỉ cụ thể, gia đình chị T không cung cấp được địa chỉ cũng như không gửi được các văn bản tố tụng theo yêu cầu của Tòa án cho chị T. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao được xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 27/3/2012 chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Giang N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc cho đến khi sinh con thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Đến tháng 3/2019 chị T đi lao động tại Nhật Bản đến nay chưa về. Từ thời điểm này tình cảm vợ chồng tiếp tục rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng hơn, nguyên nhân do vợ chồng sống xa cách nên còn không quan tâm, chia sẻ tình cảm, cuộc sống gia đình với nhau. Vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên nhủ, hòa giải nhưng không có kết quả. Do vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ nên anh N xin được ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy việc anh N xin ly hôn chị T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 28/3/2013. Cháu K hiện nay đang ở cùng với bố, do bố trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh N đề nghị tòa án giao con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng xét thấy là phù hợp với nguyện vọng của cháu K nên cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định của pháp luật nên tòa án không buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T cũng không có mặt tại địa phương nên chưa xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Giang N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147, Điều 179, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Giang N được ly hôn chị Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày 28/3/2013 cho anh Nguyễn Giang N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung thành niên, lao động tự túc được. Chị Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh N không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án chưa xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Giang N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh N đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0004098 ngày 23/4/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Giang N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, chị Nguyễn Thanh T được quyền kháng cáo để xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND thị trấn Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Việt Tiến